

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thanh Th, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số 255 quốc lộ 14, thôn 5, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trương Bá Trọng T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 276 XVNT, Phường x, thành phố Đà Lạt.

(Chị Th có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Mai Thanh Th trình bày:

Chị và anh Trương Bá Trọng T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/2016, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của Việt Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình sống chung vợ chồng mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh bài không lo kinh tế gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh bỏ nhà đi không quan tâm tới gia đình. Một thời gian về thì chị đã nhiều lần phải đứng ra trả nợ thay cho anh T nhưng anh T cũng không thay đổi. Từ năm 2021 đến nay chị về nhà bố mẹ chị tại thôn 5, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk sinh sống, còn anh T vẫn ở nhà bố mẹ anh T tại Phường x, thành phố Đà Lạt.

Từ tháng 10/2022 đến nay chị về thăm gia đình bố mẹ anh T thì anh T cũng không về, chị về thì anh đi, lúc chị đi về bố mẹ chị thì anh mới về lại nhà bố mẹ anh. Anh không còn quan tâm đến chị, chị nhắn tin anh cũng không trả lời. Chị có về Đà Lạt vài lần thì anh T cũng không chịu gặp chị. Mặc dù chị tìm đủ mọi cách nhưng anh T không còn quan tâm, không có thiện chí hàn gắn gia đình nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T và đề nghị ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Do anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn anh Trương Bá Trọng T đề ngày 07/12/2023 thì: Anh T xin vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử và không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Th. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Mai Thanh Th và anh Trương Bá Trọng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt. Nay chị Th có đơn yêu cầu được ly hôn với anh T; hiện nay bị đơn anh T sinh sống tại thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và anh T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thanh Th thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2016.

Theo chị Th thì vợ chồng chị hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh bài không lo kinh tế gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh bỏ nhà đi không quan tâm tới gia đình. Từ năm 2021 đến nay chị về nhà bố mẹ chị tại thôn 5, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk sinh sống, còn anh T ở nhà bố mẹ anh T tại Phường x, thành phố Đà Lạt. Anh T không còn quan tâm đến chị, chị nhắn tin cũng không trả lời. Chị có về Đà Lạt thì anh T cũng không chịu gặp chị. Mặc dù, chị tìm đủ mọi cách nhưng anh T không còn quan tâm, không có thiện chí hàn gắn gia đình nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T và đề nghị ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa mà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương ngày 14/11/2023 (bút lục số 13) về mâu thuẫn hôn nhân của chị Th và anh T thể hiện:

Mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng chị Th và anh T chính quyền địa phương không nắm rõ do chị Th, anh T không trình báo chính quyền địa phương cũng như không có đơn đề nghị địa phương hoà giải. Về con chung: Theo hồ sơ thể hiện chị Th và anh T không có con chung. Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Xét thấy, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không trình bày rõ lý do tại sao không đồng ý ly hôn và cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn gia đình, vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc nhau, người nào chỉ biết bồng bế người đó. Hội

đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Th để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0012204 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thanh Th về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Trương Bá Trọng T. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Mai Thanh Th và bị đơn anh Trương Bá Trọng T được ly hôn.

2. Về án phí:

Chị Mai Thanh Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0012204 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Mai Thanh Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng anh Trương Bá Trọng T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.x, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Liên

